CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	27,750 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.9%	-4.6%	-8.9%

DT thuần

2024

13,574 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 2,464
▲ 22.2%

LN gộp

2024

1,933 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 819
▲ 73.5%

LN thuần

2024

836 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 758
▲ 975%

LN sau thuế

2024

769 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 744
▲ 2975%

ROE

2024

13.5%

+/- YoY
▲ 12.9%

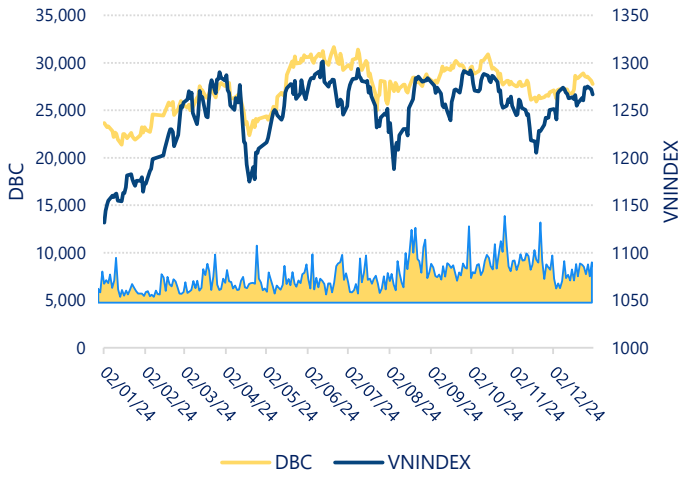
ROA

2024

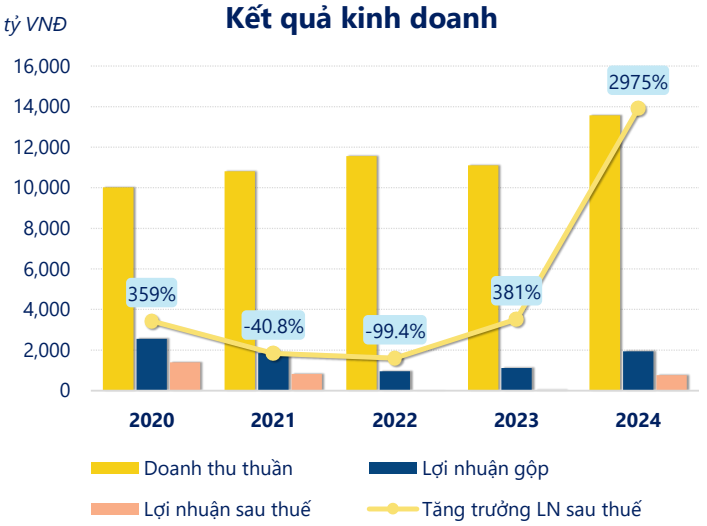
5.7%

+/- YoY
▲ 5.5%

Lịch sử giá



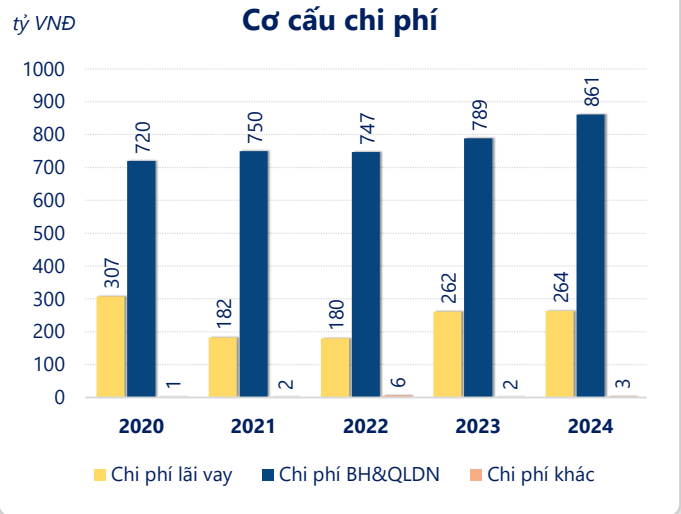
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **DBC** ghi nhận doanh thu thuần **13,574** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **769.1** tỷ đồng, lần lượt **tăng 22.2%** và **tăng 2975%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **13.5%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

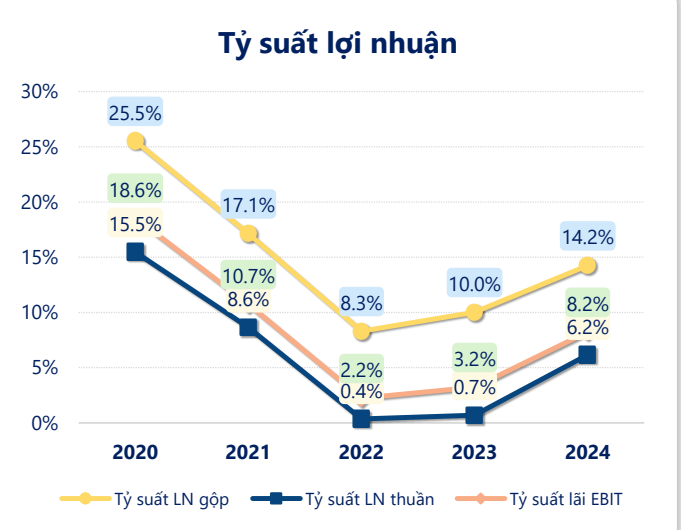


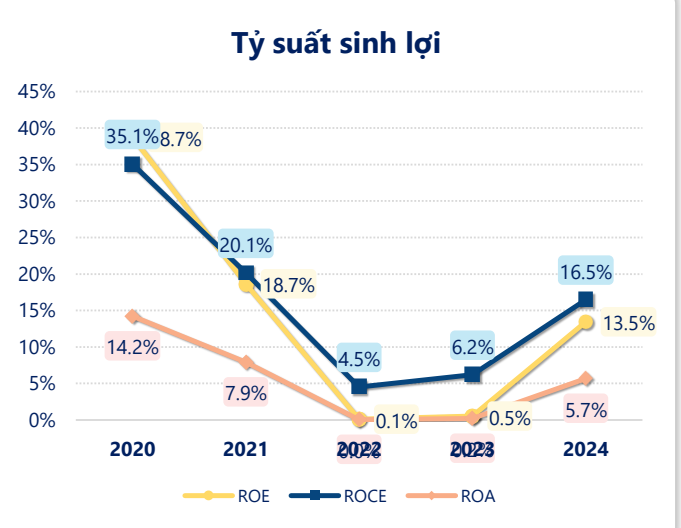


Năm **2024**, **DBC** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **835.8** tỷ đồng, **tăng lên 758.0** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (687.6 tỷ đồng) là 148.2 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

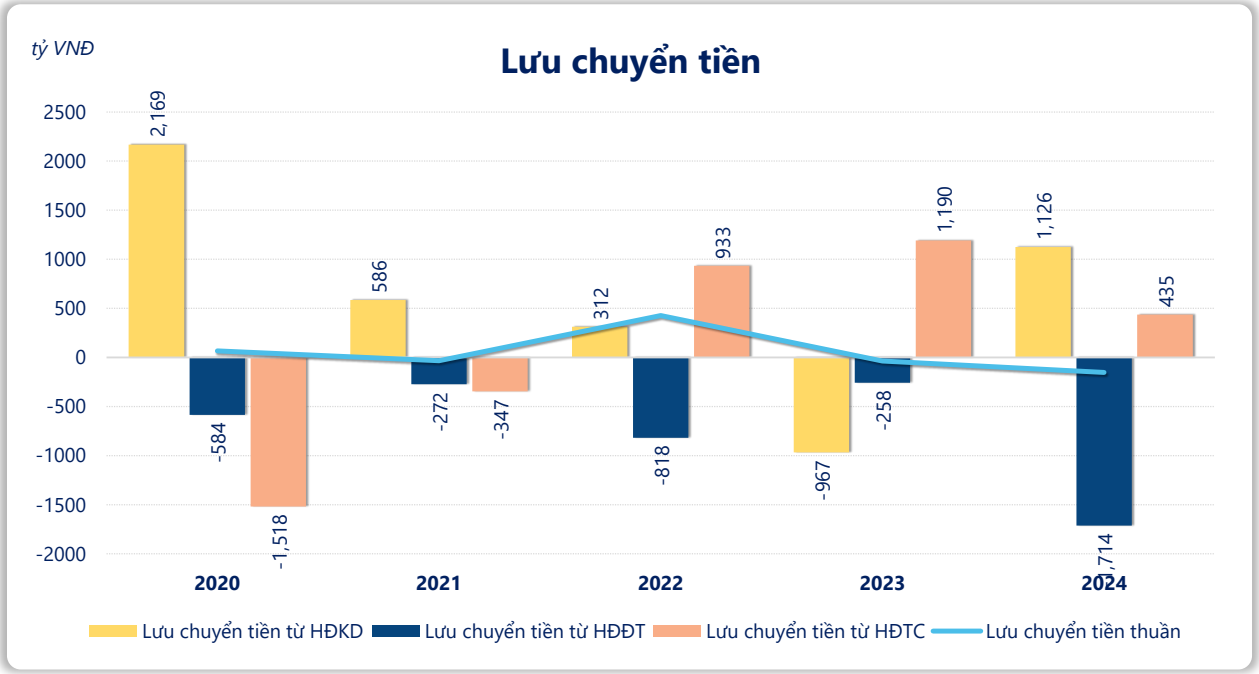
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **263.7** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **860.8** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **3.14** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của DBC năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **13.5%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**10,022**	**10,813**	**11,558**	**11,110**	**13,574**
Giá vốn hàng bán	7,464	8,960	10,598	9,996	11,640
Lợi nhuận gộp	**2,558**	**1,853**	**960**	**1,114**	**1,933**
Doanh thu HĐTC	29.9	25.0	28.8	35.8	39.2
Chi phí TC	320	199	201	281	275
Chi phí lãi vay	**307**	**182**	**180**	**262**	**264**
LN trong công ty LKLD	0.93	4.90	0.01	-2.77	-1.43
Chi phí bán hàng	380	405	403	432	469
Chi phí QLDN	339	344	344	356	392
LN thuần từ HĐKD	**1,549**	**934**	**40.9**	**77.7**	**836**
Lợi nhuận khác	4.61	45.5	38.1	20.0	18.5
LN trước thuế	**1,554**	**980**	**79.0**	**97.7**	**854**
Lợi nhuận sau thuế	**1,400**	**830**	**5.19**	**25.0**	**769**
LNST của CĐ cty mẹ	**1,400**	**830**	**5.19**	**25.0**	**769**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của DBC bằng **-152.7** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-34.96 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1,126** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-1,714** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **435.5** tỷ đồng.